

Số: 172/QĐ-THPT VG

Văn Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công khai minh bạch hoạt động của trường THPT Văn Giang
Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VĂN GIANG

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 28/KH-SGDĐT ngày 07 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023 của Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ vào tình hình thực tế về chất lượng giáo dục của trường THPT Văn Giang năm học 2022-2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai minh bạch các hoạt động của trường THPT Văn Giang năm học 2022-2023 với các nội dung công khai như sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Văn Giang năm học 2022-2023 (Biểu 09 kèm theo).
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường THPT Văn Giang năm học 2022-2023 (Biểu 10 kèm theo).
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2022-2023 (Biểu 11 kèm theo).

- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trong nhà trường năm học 2022-2023 (*Biểu 12* kèm theo).

- Công khai các khoản thu góp năm học 2022-2023 (có biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng trường THPT Văn Giang, các bộ phận, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Ngân

CÔNG KHAI

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Văn Giang

Năm học 2022 – 2023

(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ -THPTVG ngày 30/6/2023 của trường THPT Văn Giang)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển 12 lớp 530 HS	Xét lên 12 lớp 546 HS	Xét lên 12 lớp 562 HS
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT GDPT 2018 do Bộ GDĐT qui định	CT GDPT 2018 do Bộ GDĐT qui định	Ban cơ bản do Bộ GD-ĐT qui định
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt (Theo Luật GD, Điều lệ trường THPT)	Tốt (Theo Luật GD, Điều lệ trường THPT)	Tốt (Theo Luật GD, Điều lệ trường THPT)
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ theo Điều lệ Trường THPT	Đầy đủ theo Điều lệ Trường THPT	Đầy đủ theo Điều lệ Trường THPT
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	RL: Tốt, Khá: 97%; RL: CĐ < 1% HT: Tốt, Khá: 80% HT: CĐ < 1%	RL: Tốt, Khá: 97%; RL: CĐ < 1% HT: Tốt, Khá: 80% HT: CĐ < 1%	HK: Tốt, Khá: 97%; HK yếu < 1% HL Giỏi, Khá: 80% HL yếu < 1%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỷ lệ lên lớp thắng >98%	Tỷ lệ lên lớp thắng >98%	Tỷ lệ đậu TNTHPT >98% Đạt điểm sàn ĐH >75%

Văn Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Hồng Ngân

CÔNG KHAI

Thông tin chất lượng giáo dục của trường THPT Văn Giang

Năm học 2022 – 2023

(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ -THPTVG ngày 30/6/2023
của trường THPT Văn Giang)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện	1625	546	561	518
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		487 89,19%	489 87,17%	503 97,1%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		55 10,07%	64 17,41%	15 2,9%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		2 0,37%	8 1,43%	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		2 0,37%	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1625	546	561	518
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		171 31,32%	202 36,01%	201 38,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		316 57,88%	285 50,8%	306 59,07%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		58 10,62%	73 13,01%	11 2,12%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		1 0,18%	1 0,18%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1625	546	561	518
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.87%	100%	99.62%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		171 31,32%	202 36,01%	201 38,8%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		316 57,88%	285 50,8%	306 59,07%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1/1625 0,06%	0/546 0 %	1/561 0.18%	0/518 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2/1625 0.12%	0/546 0 %	1/561 0.18%	1/518 0,19%

4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	31/4 2,15%	24/1 4,57%	5/3 0,18%	2/0 0,41%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2/1625 0.12%	0/546 0 %	1/561 0.18%	1/518 0,21%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	38	2	2	34
1	Cấp tỉnh/thành phố	38	2	2	34
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp 2022	483			100%
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp 2022	483			99,79%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học đợt 1 năm 2022 (tỷ lệ so với tổng số)	402 83,23%			482 83,35%
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	733/892	245/301	244/317	271/247
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0

Văn Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Ngân

CÔNG KHAI

**Thông tin cơ sở vật chất của trường THPT Văn Giang
Năm học 2023 – 2024**

(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ -THPTVG ngày 30/6/2023 của trường THPT Văn Giang)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	3	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1. 1	Phòng học kiên cố	37	
1. 2	Phòng học bán kiên cố	0	
1. 5	Số phòng học bộ môn	0	
1. 6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
1. 7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/ phòng	
1. 8	Bình quân học sinh/lớp	44	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	20.018	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8.050	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học(m ²)	1.924	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	180	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		

5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	110	8.4
2	Khối lớp 11	180	13.8
3	Khối lớp 12	208	16
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	85	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0.24
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	45	1.2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		8		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			1		

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Văn Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Ngân

CÔNG KHAI

**Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường THPT Văn Giang, năm học 2023 – 2024**

(Kèm theo Quyết định số 172/QĐ -THPTVG ngày 30/6/2023 của trường THPT Văn Giang)

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	84	83	01		27	55	2			
I	Giáo viên	76	76			23	53				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	11	11			7	4				
2	Lý	8	8			3	5				
3	Hóa	7	7			4	3				
4	Văn	10	10			3	7				
5	Ngoại ngữ	10	10				10				
6	Sinh	4	4			2	2				
7	Sử	5	5			2	3				

8	Địa	3	3			1	2				
9	GDCD	4	4				4				
10	GDQP	2	2				2				
11	GDTG	4	4				4				
12	Tin học	4	4			1	3				
13	Công nghệ	3	3				3				
II	Cán bộ quản lý	3	3								
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	3	3			3					
III	Nhân viên	4									
1	Nhân viên văn thư – thủ quỹ	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Nhân viên y tế										
4	Nhân viên thư viện	1						1			
5	Nhân viên khác	1		1				1			
6	Kỹ thuật										

Văn Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Ngân